CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Phát triển Sunshine Homes

Ngày 31/12/2024	67,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.4%	**-0.7%**	**-3.2%**

DT thuần
Q4/24
2,020
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,955| 3013%
YoY: ▲ 1,707| 546%

LN thuần
Q4/24
601
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 580| 2706%
YoY: ▲ 556| 1241%

LN sau thuế
Q4/24
475
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 467| 5995%
YoY: ▲ 436| 1103%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
47.5%
YoY: +/-▼ 26.9%

ROE
2024
13.2%
YoY: +/-▼ 7.7%

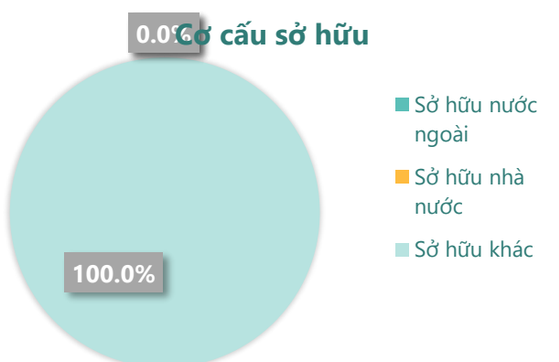
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	64,200 - 70,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25,125
Số lượng CPLH (CP)	375,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	53,415
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.35
EPS	2,188
P/E	30.6

DT thuần
2024
2,934
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.0| 1.1%

LN thuần
2024
1,060
tỷ VNĐ
YoY: ▼570| -35.0%

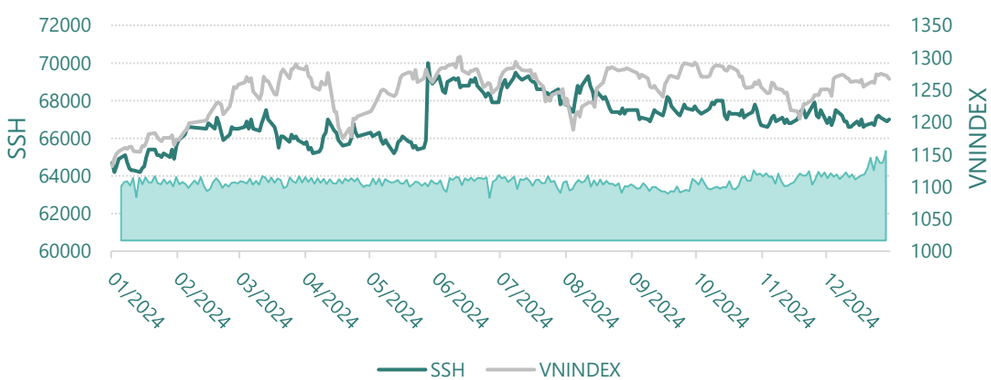
LN sau thuế
2024
837
tỷ VNĐ
YoY: ▼462| -35.6%

Cơ cấu sở hữu

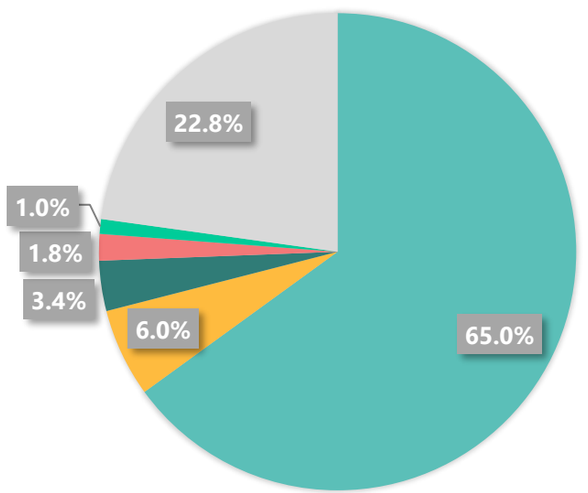


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



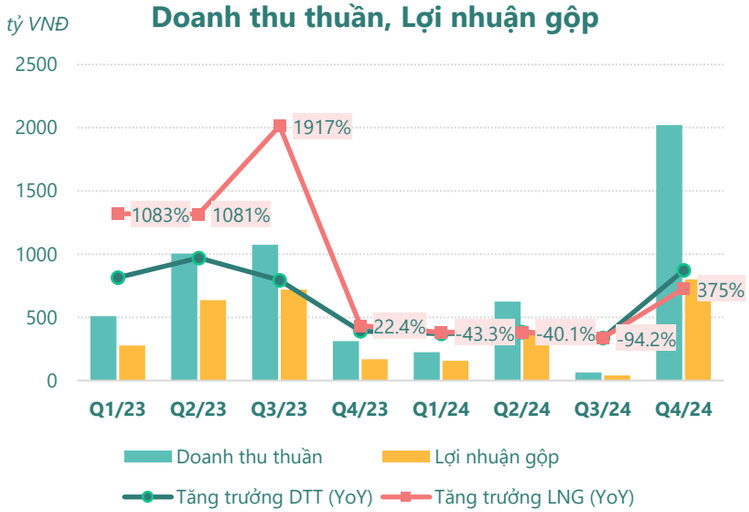
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

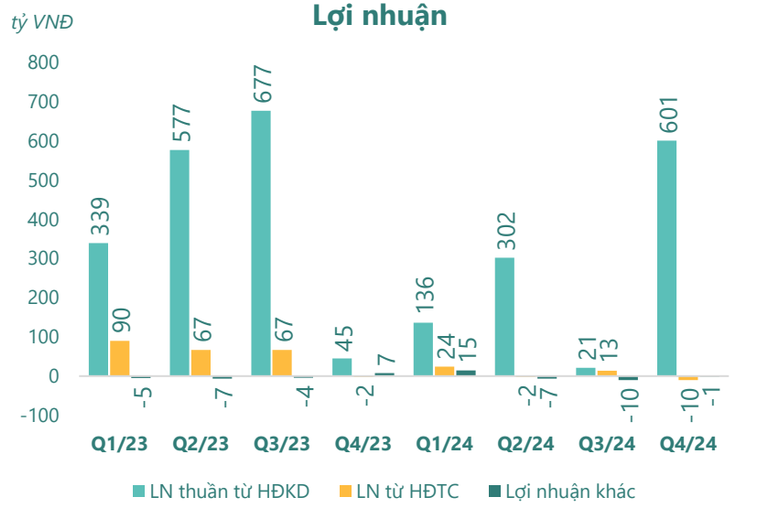
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



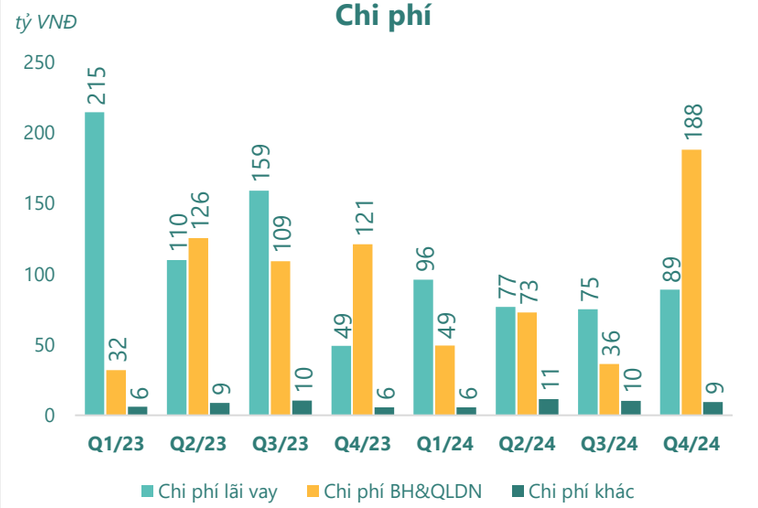
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



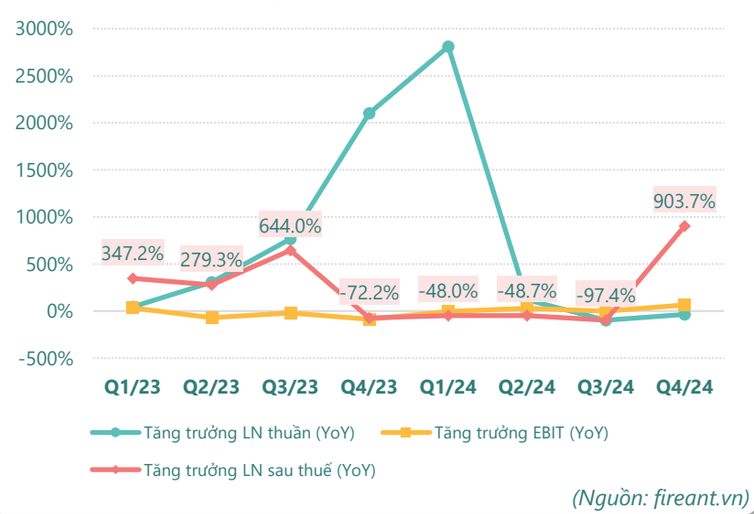
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



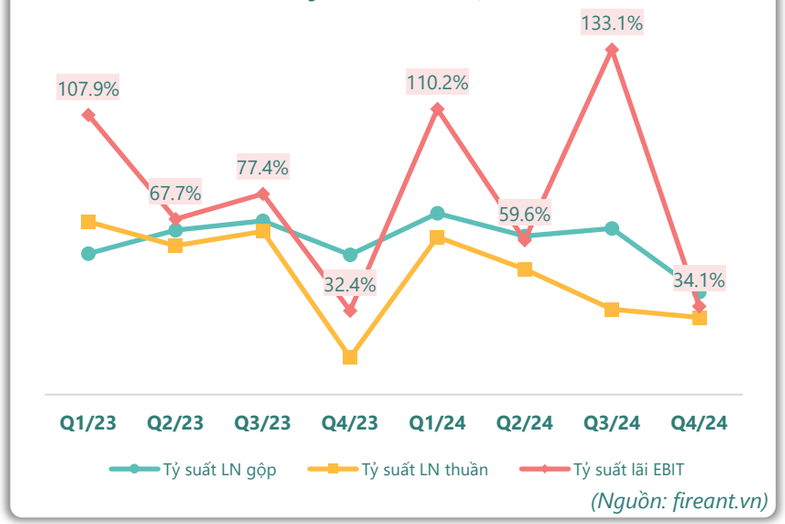
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



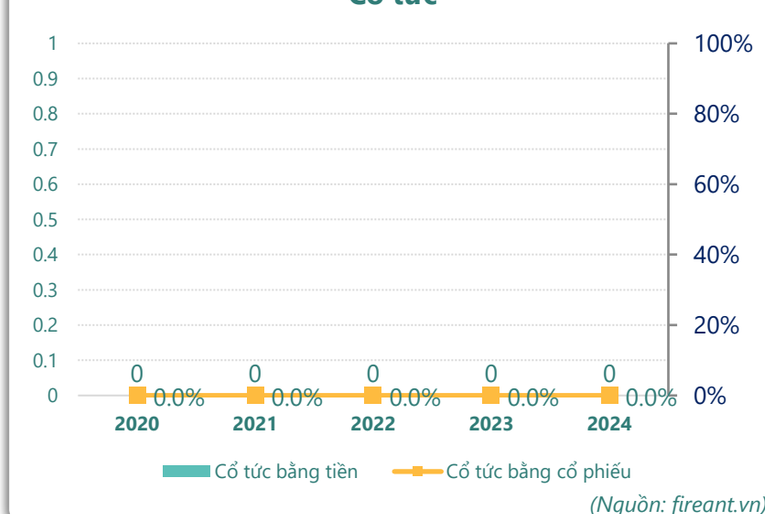
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

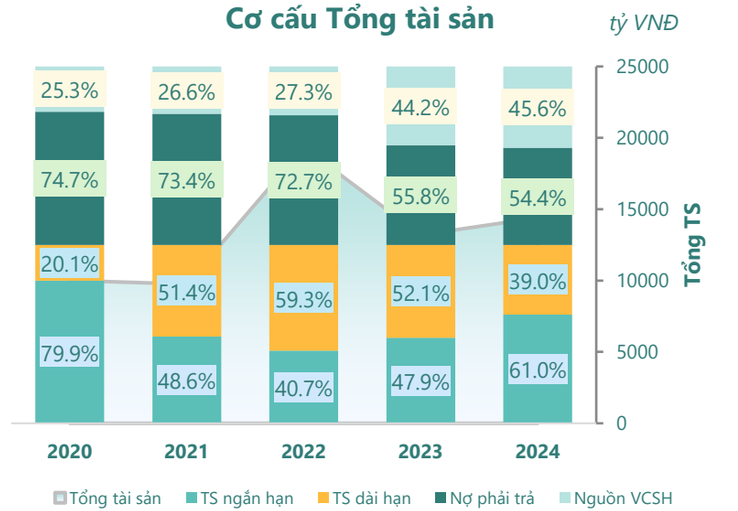
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

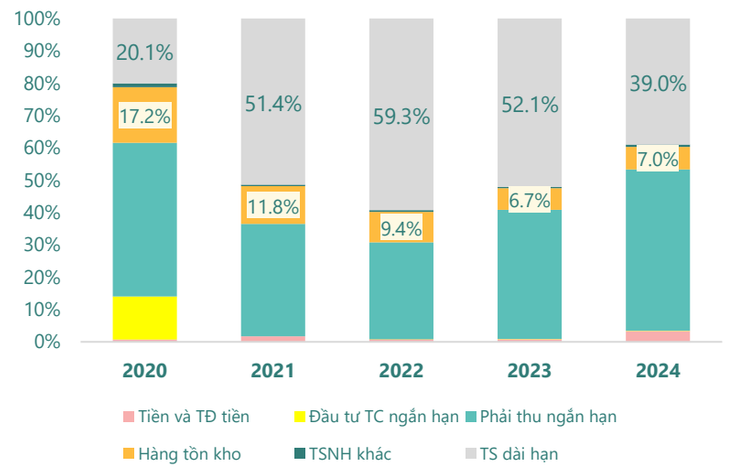
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



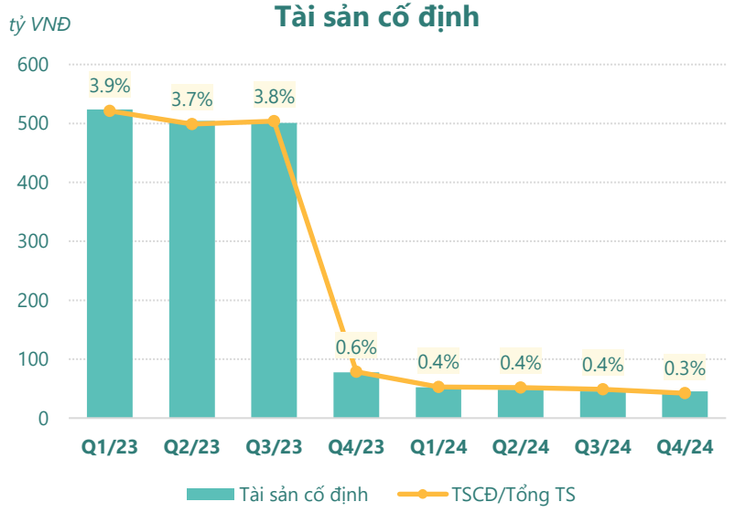
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



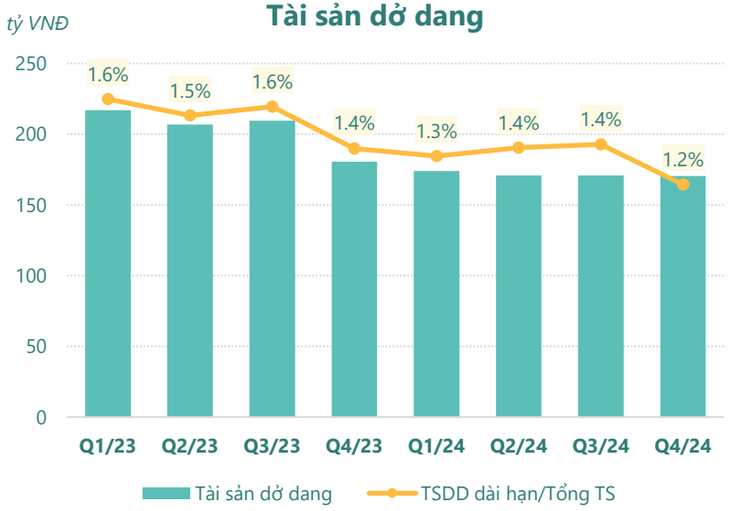
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



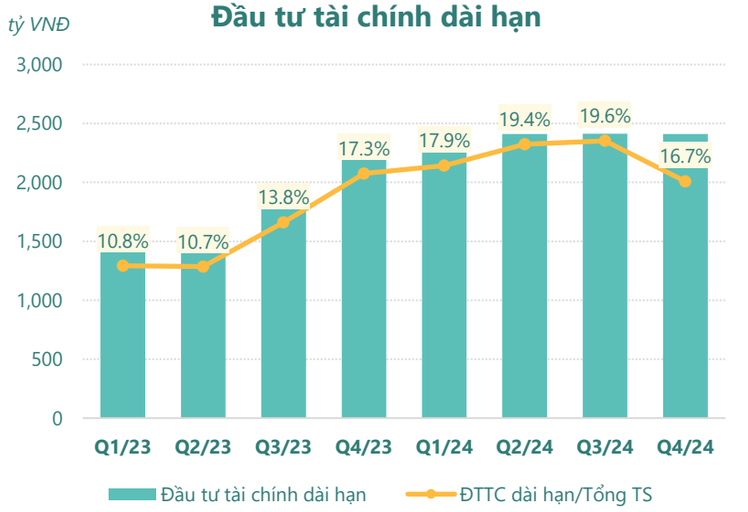
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



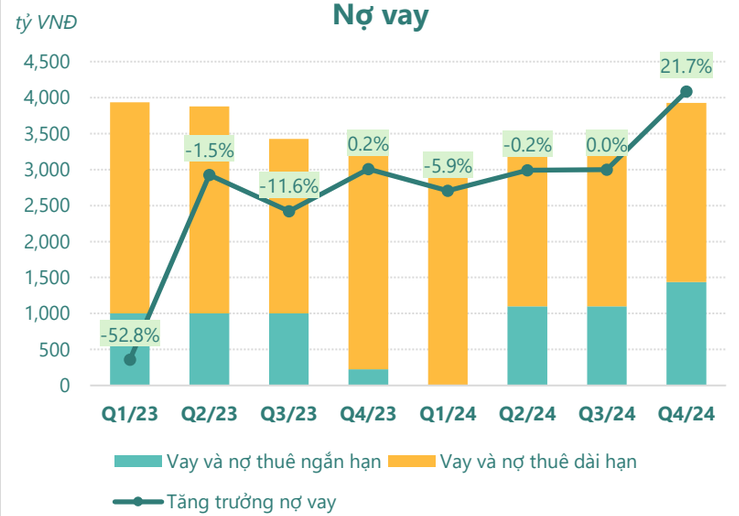
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

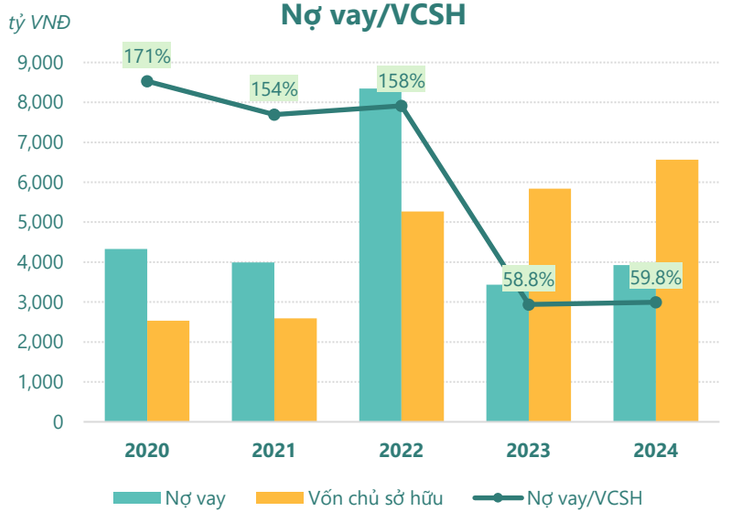
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

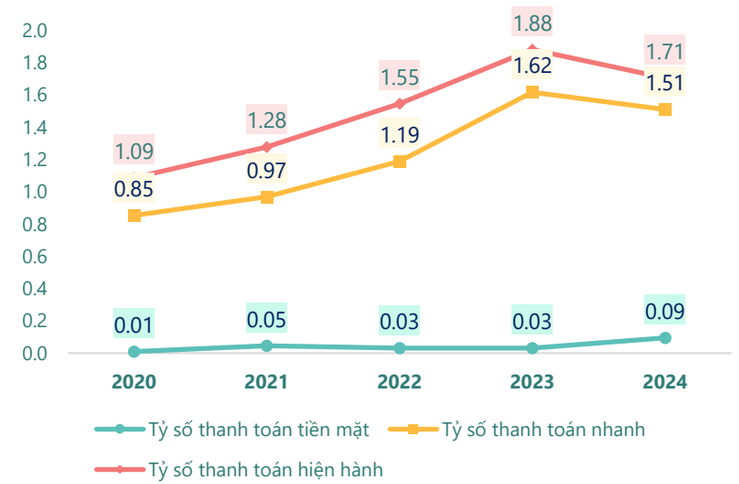
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



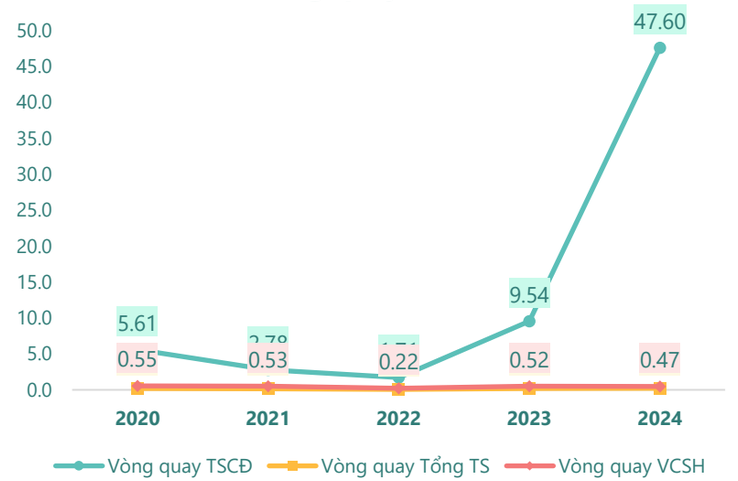
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



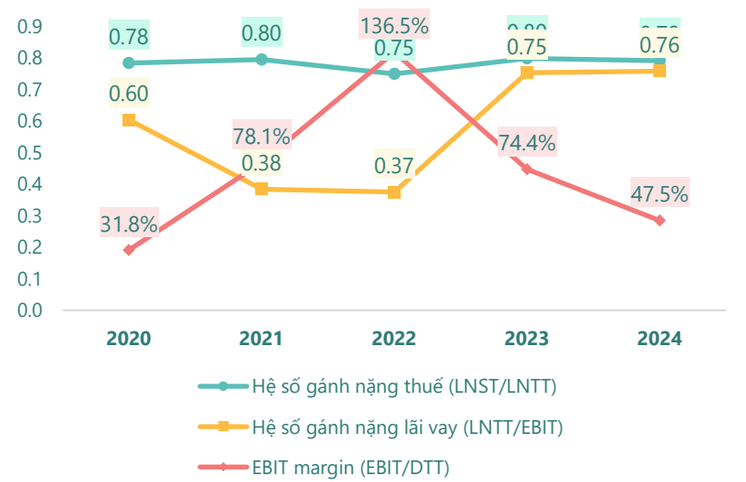
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



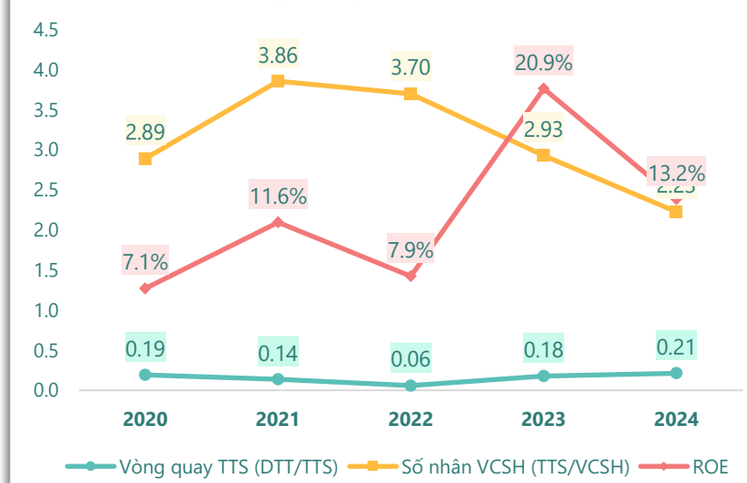
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



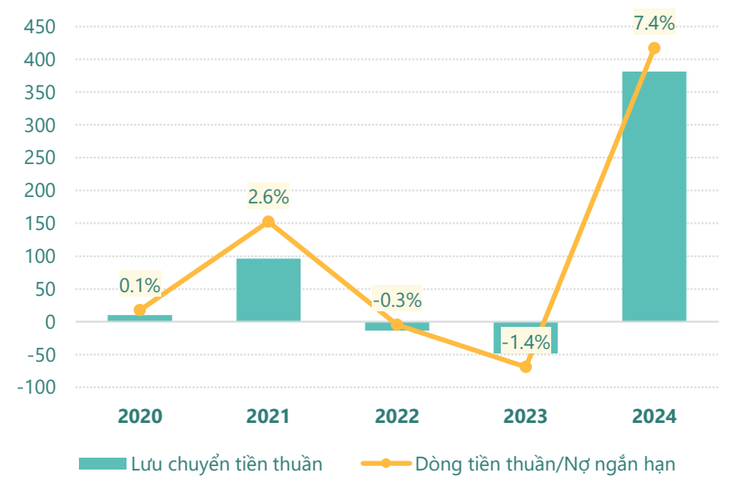
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,020**	**313**	**546%**	**2,934**	**2,901**	**1.1%**
Giá vốn hàng bán	1,220	144	747%	1,553	1,099	41.3%
Lợi nhuận gộp	801	169	374%	1,381	1,802	-23.4%
Doanh thu HĐTC	92.7	99.9	-7.2%	430	958	-55.1%
Chi phí TC	103	102	0.7%	404	742	-45.6%
Chi phí lãi vay	89.0	49.2	80.8%	337	533	-36.8%
LN trong công ty LKLD	**-1.83**	**-1.10**	**-66.0%**	**0.52**	**2.32**	**-77.6%**
Chi phí bán hàng	139	82.3	69.0%	209	256	-18.4%
Chi phí QLDN	**49.1**	**38.8**	**26.5%**	**138**	**133**	**3.1%**
LN thuần từ HĐKD	601	44.8	1241%	1,060	1,630	-35.0%
Lợi nhuận khác	**-1.02**	**7.34**	**-114%**	**-3.20**	**-3.33**	**3.9%**
LN trước thuế	600	52.1	1051%	1,057	1,627	-35.0%
Lợi nhuận sau thuế	**475**	**39.5**	**1103%**	**837**	**1,299**	**-35.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**474**	**36.9**	**1186%**	**821**	**1,161**	**-29.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	340	82.6	-324	-880	-298	-109
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	83.8	-272	604	1,091	-0.54	-194
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-451	136	-218	8.95	0	700
Tiền đầu kỳ	187	160	107	169	389	91.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-26.6**	**-53.4**	**62.5**	**220**	**-298**	**397**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	160	107	169	389	91.2	488

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**14,403**	**13,201**	**9.1%**
Tài sản ngắn hạn	8,784	6,323	38.9%
Tiền và tương đương tiền	488	107	357%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.38	7.03	5.0%
Phải thu ngắn hạn	7,182	5,275	36.2%
Hàng tồn kho	1,007	889	13.3%
Tài sản ngắn hạn khác	100	46.1	117%
Tài sản dài hạn	**5,619**	**6,878**	**-18.3%**
Phải thu dài hạn	2,274	3,711	-38.7%
Tài sản cố định	45.5	77.7	-41.5%
Bất động sản đầu tư	718	625	14.9%
Tài sản dở dang	171	181	-5.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,411	2,283	5.6%
Tài sản dài hạn khác	**0.55**	**0.12**	**343%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7,841	7,360	6.5%
Nợ ngắn hạn	**5,148**	**3,361**	**53.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,438	223	544%
Phải trả người bán ngắn hạn	485	326	48.7%
Nợ dài hạn	2,694	4,000	-32.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,489	3,211	-22.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,562**	**5,840**	**12.4%**
Vốn chủ sở hữu	**6,562**	**5,840**	**12.4%**
Vốn điều lệ	3,750	3,750	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)